

Bản án số: 51/2021/DS-ST

Ngày 12 - 11 - 2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng đặt cọc mua bán
tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Trọng Khôi

Các hội thẩm nhân dân: Ông Chu Quốc Đạt

Ông Nguyễn Quang Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 78/2021/TLST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2021 về việc Tranh chấp hợp đồng đặt cọc mua bán tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2021/QĐXXST-DS ngày 06/9/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 103/2021/QĐST-DS ngày 27/9/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 109/2021/QĐST-DS ngày 27/10/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Tô Văn D, sinh năm 1988 (có mặt);

Nơi ĐKKHKT: Thôn K, xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Hiện cư trú: Thôn C, xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Lý Văn C, sinh năm 1989 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Thôn Đồng Thủy, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Chu Thị H, sinh năm 1994 (vắng mặt, từ chối tham gia tố tụng);

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

2. Ngân hàng TMCP V. Do ông Nguyễn Thành L – Phó tổng đốc, Giám đốc khối pháp chế đại diện theo ủy quyền (vắng mặt);

Trụ sở: Tòa nhà số 89 đường L, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Tô Văn D trình bày:**
Do có mối quan hệ quen biết xã hội, nên ngày 06/9/2020 (đương lịch) anh có mua 01 chiếc xe ô tô của anh C để phục vụ nhu cầu vận chuyển (chạy gỗ). Số tiền mua xe thỏa thuận là 01 tỷ

đồng. Anh có đặt cọc trước cho anh C 300.000.000đ, giữa anh và anh Chiến có viết giấy biên nhận tiền cọc. Anh và anh C có thỏa thuận sau 01 tháng kể từ ngày nhận cọc, anh C phải giao xe cho anh và anh phải thanh toán cho anh C số tiền mua xe còn lại là 700.000.000đ. Nhưng sau thời hạn 01 tháng, anh C không giao xe cho anh và cũng không trả lại anh số tiền đặt cọc là 300.000.000đ. Anh đã gọi điện nhiều lần nhưng anh C không nghe máy, khất lần và nói dối quanh. Nay anh yêu cầu anh C phải trả anh 300.000.000đ tiền cọc xe. Số tiền anh C chuyển khoản cho anh qua tài khoản ngân hàng là tiền anh C mua ván của anh và tiền đổi lấy tiền mặt chứ không liên quan đến việc trả khoản tiền cọc xe.

*** Bị đơn anh Lý Văn C trình bày:** Khoảng đầu năm 2019 (âm lịch) anh có đến nhà anh D tại thôn C, xã H, huyện Lạng Giang để vay số tiền là 150.000.000đ với mục đích kinh doanh. Anh D đồng ý cho anh vay số tiền trên, khi vay có viết giấy biên nhận vay tiền, cả anh và anh D cùng ký tên vào giấy biên nhận. Anh D yêu cầu anh phải thế chấp tài sản để bảo đảm cho khoản vay. Vì vậy, ngoài giấy biên nhận vay tiền, giữa anh và anh D còn ký thêm giấy biên nhận tiền cọc, với nội dung: anh đồng ý bán cho anh D chiếc xe ChengLong với giá 01 tỷ đồng và anh D cọc trước số tiền cọc là 300.000.000đ. Thực chất giấy nhận tiền đặt cọc trên chỉ là hình thức để bảo đảm khoản vay số tiền 150.000.000đ mà anh đã vay anh D, không có việc anh bán chiếc xe ChengLong cho anh D và nhận cọc 300.000.000đ. Số tiền vay nợ 150.000.000đ của anh D, anh đã trả bằng hình thức trực tiếp và chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng (có kèm theo sao kê chuyển khoản tại ngân hàng). Tổng số tiền cả gốc và lãi anh đã trả anh D là trên 300.000.000đ. Nay anh không đồng ý trả anh D số tiền 300.000.000đ như anh D yêu cầu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. **Chị Chu Thị H trình bày:** Chị là vợ anh Lý Văn C, việc anh C khai khoảng đầu năm 2019 âm lịch, anh C có vay anh Tô Văn D 150.000.000đ, việc này chị không hề biết, anh C cũng không mang tiền về sử dụng vào mục đích của gia đình. Vợ chồng chị có một chiếc xe ô tô tải 22 tấn hiệu ChengLong BKS 98C-21775, đăng ký xe mang tên anh Lý Văn C. Ngày 06/9/2020 anh C có ký giấy biên nhận tiền cọc bán xe ô tô này cho anh D, chị không hề biết và chị không đồng ý việc anh C ký giấy biên nhận đặt cọc bán xe cho anh D, thực tế anh C cũng không mang số tiền 300.000.000đ này về nhà.

2. **Ngân hàng TMCP V. Do ông Nguyễn Thành L – Phó tổng đốc, Giám đốc khối pháp chế đại diện theo ủy quyền trình bày:** Căn cứ hợp đồng cho vay số LN 2004282365958 ngày 21/5/2020, hợp đồng thế chấp xe ô tô số 221/HĐTC-2020 ngày 21/5/2020, số công chứng 1936/2020, quyền số 02/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Xương Giang, hồ sơ đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng và các văn bản, tài liệu khác có liên quan ông Lý Văn C và bà Chu Thị H đã vay vốn số tiền 500.000.000đ tại Ngân hàng TMCP V, tài sản bảo đảm là xe ô tô Cheng Long, BKS 98C 217.75, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 055836 do Công an tỉnh Bắc Giang cấp ngày 06/4/2020. Dư nợ tạm tính đến ngày 30/9/2021 là 333.344.000đ.

Tại thời điểm giao dịch tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu và sử dụng hợp pháp của vợ chồng ông Lý Văn C. Quá trình ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, công chứng và đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng được thực hiện trên tinh thần tự nguyện, công khai, minh bạch, đúng với quy định của pháp luật. Ngân hàng TMCP V hoàn toàn không biết/ không buộc phải biết cũng như không đồng ý về giao dịch giữa ông Lý Văn C và ông Tô Văn D, do đó các giao dịch đặt cọc tài sản đã được thế chấp là vô hiệu. Trách nhiệm thanh toán khoản tiền đã nhận (nếu có) thuộc về ông Lý Văn C và giao dịch đặt cọc có đang tranh chấp hoàn toàn không

ảnh hưởng đến hiệu lực của hợp đồng vay vốn/ thế chấp giữa ông Lý Văn C và Ngân hàng TMCP V.

Tại phiên tòa hôm nay: Anh D có mặt giữ nguyên yêu cầu trên và trình bày thêm: Tháng 5/2020 anh Chiến mới mua xe ô tô trả góp, mà anh C khai năm 2019 anh C vay tiền anh, thỏa thuận ký đặt cọc bán xe ô tô để đảm bảo cho việc vay là không đúng. Anh C, chị H, Ngân hàng TMCP V đều vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án thông báo phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, Thẩm phán được phân công giải quyết, các đương sự trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay anh D có mặt; anh C, chị H, Ngân hàng TMCP V đều vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án thông báo phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai. Hướng đề xuất: Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Đề nghị áp dụng: Điều 26; 35; 147; 228; 235; 264; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 357; 328; 385; 430; 440 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 26; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tô Văn D. Buộc anh Lý Văn C phải có trách nhiệm thanh toán trả anh Tô Văn D 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) tiền gốc. Ngoài ra còn đề nghị xử lý vấn đề chậm thi hành án, tiền án phí và tuyên quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, phạm vi khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ thì nguyên đơn anh Tô Văn D, sinh năm 1988; Nơi ĐKKHKT: Thôn K, xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang; Hiện cư trú: Thôn C, xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang; khởi kiện đòi tiền đối với anh Lý Văn C, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Nội dung: Anh D kiện đòi 300.000.000đ tiền gốc mà anh D đã đưa cho anh C là tiền đặt cọc để mua chiếc xe ô tô vận tải của anh C. Như vậy xác định được đây là quan hệ pháp luật Tranh chấp tiền đặt cọc trong hợp đồng mua bán tài sản, phạm vi khởi kiện là đòi tiền gốc, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay anh D có mặt; anh C, chị H, Ngân hàng TMCP V đều vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án thông báo phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai. Nên HĐXX áp dụng Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Xuất phát từ quan hệ quen biết nên ngày 06/9/2020 anh Tô Văn D cùng anh Lý Văn C có thỏa thuận; anh Lý Văn C bán cho anh Tô Văn D 01 chiếc xe ô tô tải BKS 98C-217.75 trị giá 1.000.000.000đ (một tỷ đồng), anh D đã đặt cọc trước cho anh C 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng), hẹn 1 tháng sau anh C bàn giao xe ô tô cho anh D, thì anh D trả hết tiền. Khi thỏa thuận mua bán anh C có tự tay viết “Giấy biên nhận tiền cọc” và các bên cùng ký nhận. Đến hẹn anh C không bàn giao xe ô tô trên cho anh D. Nay anh D khởi kiện yêu cầu cá nhân anh C phải trả anh D 300.000.000đ tiền gốc đặt cọc mua xe ô tô.

- Phía bị đơn anh C ban đầu khai nhận đầu năm 2019 (âm lịch) anh có đến nhà anh D vay là 150.000.000đ. Anh D đồng ý cho anh vay số tiền trên, nhưng anh D yêu cầu anh phải thế chấp tài sản để bảo đảm bằng cách viết giấy bán chiếc xe ChengLong của anh cho anh D với giá 01 tỷ đồng và anh D cọc trước số tiền cọc là 300.000.000đ. Tại lời khai đối chất ngày 06/9/2021 anh C khai: Khoảng từ tháng 5 đến cuối năm 2019 âm lịch, anh có vay tiền của anh D 3 lần. Lần 1 anh nhận tiền vay qua tài khoản của anh D chuyển tiền vào tài khoản cho anh là 50.000.000đ; Lần 2 anh vay anh D bằng tiền mặt, không nhớ ngày nhưng cách lần trước mấy tháng, anh nhận tiền vay tại nhà anh D là 50.000.000đ, khi đó anh D có viết giấy biên nhận vay số tiền 50.000.000đ anh có ký nhận giấy vay này. Lần 3 vẫn trong năm 2019 anh không nhớ anh D cho anh vay bao nhiêu tiền. Tất cả các lần vay anh đều sử dụng vào mục đích tiêu dùng riêng của anh không liên quan gì đến vợ anh. Ngày 06/9/2020, anh D yêu cầu anh phải viết “Giấy biên nhận tiền cọc”, với nội dung: Anh đồng ý bán cho anh D chiếc xe ô tô ChengLong của anh với giá 01 tỷ đồng và anh D đặt cọc trước số tiền cọc là 300.000.000đ. Thực chất giấy biên nhận tiền cọc trên chỉ là hình thức để anh D cho anh vay số tiền 150.000.000đ. Nên tự tay anh viết giấy biên nhận tiền cọc này, nếu anh không viết giấy này thì anh D không đồng ý cho anh vay 150.000.000đ; thực chất không có việc anh bán chiếc xe ChengLong của anh cho anh D và nhận cọc 300.000.000đ. Số tiền vay nợ 150.000.000đ của anh D, anh đã trả bằng hình thức trực tiếp (không ghi giấy biên nhận, không có người làm chứng) và chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng. Tổng số tiền cả gốc và lãi anh đã trả anh D là trên 400.000.000đ. Lần cuối cùng là ngày 02/12/2020 anh chuyển trả anh D 79.000.000đ, từ đó anh không còn nợ anh D nữa. Nay anh không đồng ý trả anh D số tiền 300.000.000đ tiền đặt cọc bán xe ô tô như anh D trình bày.

Như vậy lời khai của anh C trước sau bất nhất, khai không trùng khớp về diễn biến quá trình vay tiền, nhận tiền và viết giấy biên nhận tiền cọc; tuy nhiên anh C vẫn khẳng định ngày 06/9/2020 nếu anh C không viết “Giấy biên nhận tiền cọc” nêu trên thì anh D không đưa tiền cho anh C. Đặc biệt anh D còn lưu giữ được bức ảnh chụp hồi 18 giờ 19 phút ngày 06/9/2020, đó là hình ảnh anh C đang kiểm đếm tiền tại nhà anh D. HĐXX xét thấy, như vậy có đủ căn cứ xác định ngày 06/9/2020 anh Tô Văn D cùng anh Lý Văn C có thỏa thuận; anh Lý Văn C bán cho anh Tô Văn D 01 chiếc xe ô tô tải BKS 98C-217.75 trị giá 1.000.000.000đ (một tỷ đồng), anh D đã đặt cọc trước cho anh C 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng), hẹn 1 tháng sau anh C bàn giao xe ô tô cho anh D, thì anh D trả hết tiền. Khi thỏa thuận mua bán tự tay anh D viết “Giấy biên nhận tiền cọc” và trực tiếp nhận tiền cọc của anh D tại nhà anh D. Đến hẹn và cho đến nay, anh C không bàn giao xe ô tô trên cho anh D. Như vậy anh C đã vi phạm nghĩa vụ trong giao kết hợp đồng. Nay anh D khởi kiện yêu cầu cá nhân anh C phải trả anh D 300.000.000đ tiền gốc đặt cọc mua xe ô tô là có căn cứ.

- Về việc thanh toán trả tiền cọc: Quá trình giải quyết vụ án, anh C cho rằng anh C không mua gỗ ván bóc tại xưởng của anh D và anh T chung nhau; tất cả các lần chuyển tiền từ tài khoản của anh C sang tài khoản cho anh D đều do anh C chuyển trả tiền vay nợ cho anh D, ban đầu anh C khai tổng số tiền cả gốc và lãi anh đã trả anh D là trên 300.000.000đ; tại lời khai đối chất ngày 06/9/2021 anh C khai, tổng số tiền cả gốc và lãi anh đã trả anh D là trên 400.000.000đ. Lần cuối cùng là ngày 02/12/2020 anh chuyển trả anh D 79.000.000đ, từ đó anh không còn nợ anh D nữa. Ngoài ra anh C không đưa ra được chứng cứ nào khác chứng minh đã trả tiền trực tiếp cho anh D. HĐXX xét thấy, căn cứ sổ theo dõi bán hàng ván gỗ bóc của anh D, lời khai nhân chứng, sao kê toàn bộ việc giao dịch bằng tài khoản qua ngân hàng của

anh D và anh C, xác định được trong năm 2019 và năm 2020 anh D và anh C nhiều lần chuyển tiền cho nhau qua tài khoản của mình mục đích là anh C chuyển trả tiền mua hàng ván gỗ bóc cho anh D và có lần anh C chuyển tiền vào tài khoản cho anh D, để anh D đưa tiền mặt cho anh C, giúp cho anh C khỏi phải ra Ngân hàng rút tiền mặt. Sau khi giao kết “Giấy biên nhận tiền cọc” ngày 06/9/2020; thì ngày 10/10/2020 anh C có chuyển vào tài khoản của anh D 13.000.000đ và ngày 02/12/2020 anh C chuyển tiền vào tài khoản của anh D 79.000.000đ, đây là việc anh C thanh toán tiền mua ván gỗ bóc cho anh D. Không có căn cứ xác định anh C đã trả cho anh D từ 300.000.000đ đến hơn 400.000.000đ được. Do vậy xác định được anh C chưa thanh toán trả anh D một đồng tiền đặt cọc mua bán xe ô tô nào.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, HĐXX xét thấy, cần xử buộc anh Lý Văn C phải có trách nhiệm thanh toán trả anh Tô Văn D 300.000.000đ tiền đặt cọc mua bán tài sản. Xét là phù hợp Điều 328; 385; 430; 440 Bộ luật Dân sự cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, nên anh C phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo pháp luật. Anh D không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả anh D toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

* Áp dụng: Điều 26; 35; 147; 228; 235; 264; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 357; 328; 385; 430; 440 Bộ luật Dân sự 2015. Điều 26; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tô Văn D; buộc anh Lý Văn C có trách nhiệm thanh toán trả anh Tô Văn D 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) tiền gốc đặt cọc.

2/ Về án phí: Anh Lý Văn C phải chịu 15.000.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả anh Tô Văn D 7.500.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012327, ngày 23/7/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành, mà người phải thi hành án không thi hành, hoặc thi hành chưa xong; thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi xuất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án vắng mặt.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện Lạng Giang
- Chi cục THA huyện Lạng Giang
- Các đương sự
- Lưu

(đã ký)
Thân Trọng Khôi